

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST

Ngày: 28-6-2022.

“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Công;

2. Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, “V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà 24, đường Lê Văn M, tổ 33, khóm Mỹ Tr, phường Mỹ P, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Số 209, Khóm B, thị trấn L, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Khổng Thành Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 224A/6, ấp Tân M, xã Tân Ph, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Th, ông Đ đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Th trình bày:

Ông Th và ông Đ có quen biết nhau và do ông Đ đang nợ ngân hàng nên

ông Th có cho ông Đ vay số tiền lớn nhưng không nhớ chính xác số tiền, vì ông Th cho rất nhiều người vay tiền. Sau đó, Ngân hàng có cho ông Đ vay lại và ông Đ đã trả cho ông Th nhưng trả không đủ tiền nên ngày 09/9/2020, ông Th và ông Đ thỏa thuận xé bỏ biên nhận vay tiền trước đó và ông Th viết lại biên nhận vay số tiền 83.000.000 đồng cho ông Đ tự ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Tuy nhiên, ông Đ nhiều lần hẹn trả nợ nhưng không trả. Tại phiên hòa giải, ông Th muốn hòa giải thành và ông thông cảm với hoàn cảnh khó khăn hiện nay của gia đình ông Đ nên ông Th yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ vay 83.000.000 đồng theo biên nhận ngày 9/9/2020, không yêu cầu tính lãi. Ông Đ cho rằng có gửi số tiền 3.200.000 đồng cho ông Đ đóng tiền lãi thì Ông Th đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền vay.

Tại phiên tòa, ông Đ cho rằng có đưa cho ông Th 02 lần mỗi lần 3.200.000 đồng Đ đóng tiền lãi nhưng ông Th không nhớ. Tuy nhiên, ông Th vẫn đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền vay. Ông Th yêu cầu ông Không Thành Đ trả tiền vốn vay là 76.600.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 09/9/2020 đến ngày 09/6/2022 cụ thể như sau: $76.600.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 16.086.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, ông Th thông cảm với hoàn cảnh khó khăn hiện nay của gia đình ông Đ nên ông Th đồng ý giảm tiền lãi và yêu cầu ông Đ trả số tiền lãi 10.000.000 đồng.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Không Thành Đ trình bày:* Ông Đ không thống nhất với lời trình bày của ông Th là ông Đ có vay của ông Th số tiền 83.000.000 đồng. Ông Đ đã quen biết ông Th nhiều năm và ông Đ đã nhiều lần vay tiền của ông Th. Do ông Đ nợ tiền vay ngân hàng 600.000.000 đồng nên ông Đ vay của ông Th 550.000.000 đồng Đ trả nợ ngân hàng, vay có tính lãi theo ngày nhưng không nhớ cụ thể là lãi suất bao nhiêu, có làm biên nhận vay. Sau đó, Ngân hàng cho vay lại 500.000.000 đồng nên ông Đ đã trả cho ông Th 500.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Do đó, hai bên thống nhất xé biên nhận vay 550.000.000 đồng và ông Th viết lại biên nhận 83.000.000 đồng gộp chung 50.000.000 đồng tiền vốn vay và 33.000.000 đồng tiền lãi của số tiền vay 550.000.000 đồng. Sau đó, ông Th đưa ông Đ đọc lại, ký tên và ghi họ tên vào biên nhận ngày 09/9/2020 nhưng ông Đ không có chứng cứ Đ chứng minh số tiền 83.000.000 đồng là viết gộp chung của tiền vốn vay và tiền lãi.

Sau đó, ông Đ có 02 lần đóng tiền lãi của số tiền vay 83.000.000 đồng, mỗi lần là 3.200.000 đồng đưa cho ông Th và người bán hủ tiếu tại quán hủ tiếu của ông Th nhưng không nhớ rõ thời gian, không làm biên nhận khi đưa tiền. Do hoàn cảnh gia đình của ông Đ rất khó khăn nên ông Đ không tiếp tục đóng lãi cho ông Th nữa. Vì vậy, ông Đ đồng ý trả cho ông Th số tiền vay 50.000.000

đồng và tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 09/9/2020 đến ngày 09/6/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ vay và tiền lãi theo biên nhận vay tiền nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện trả số tiền vay của ông Trần Th đối với ông Khổng Thành Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 09/9/2020 được đánh máy và viết tay có nội dung ông Khổng Thành Đ vay của ông Trần Th số tiền 83.000.000 đồng, lãi suất vay 2%/tháng, vay không thời hạn, người nhận là Khổng Thành Đ ký tên và ghi họ tên được nguyên đơn ông Trần Th cung cấp và đã được Tòa án công khai chứng cứ sao chụp cho bị đơn ông Khổng Thành Đ và ông Đ thừa nhận đây là biên nhận ông Đ ký tên, ghi họ tên vay tiền của ông Th.

Tuy nhiên, ông Đ cho rằng trước đây có vay của ông Th số tiền 550.000.000 đồng và đã trả ông Th 500.000.000 đồng, sau đó hai bên thống nhất xé biên nhận vay 550.000.000 đồng và viết lại biên nhận ngày 09/9/2020 ghi gộp chung số tiền vốn vay còn lại 50.000.000 đồng và lãi vay 33.000.000 đồng, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh cho trình bày này của mình. Ông Th cũng thừa nhận là trước đây ông Đ có vay tiền của ông Th số tiền lớn. Sau đó, ông Đ không có tiền Đ trả hết tiền vay của ông Th nên giữa ông Th và ông Đ thống nhất ngày 09/9/2020 viết lại biên nhận vay số tiền 83.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định, trước đây ông Đ có vay tiền của ông Th nhưng các đương sự không có chứng cứ đưa ra số tiền vay trước đó, do ông Đ trả chưa hết tiền vay nên ngày 09/9/2020 giữa ông Th và ông Đ thống nhất viết biên nhận ghi nhận ông Đ vay ông Th số tiền 83.000.000 đồng. Việc thỏa thuận giữa ông Th và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc. Bị đơn ông Khổng Thành Đ đã thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào giấy biên nhận ngày 09/9/2020 và lúc ký tên vào biên nhận ông Đ không có ý kiến về số tiền vay thể hiện trong biên nhận. Vì vậy, ông Khổng

Thành Đ phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình thực hiện.

Ông Th thừa nhận có nhận số tiền lãi 6.400.000 đồng của ông Đ nên ông Th đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền vay là có lợi cho ông Đ. Do đó, ông Trần Th yêu cầu ông Khổng Thành Đ trả số tiền vay 76.600.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện trả tiền lãi của ông Trần Th đối với ông Khổng Thành Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Lãi suất cho vay thể hiện trong giấy biên nhận ngày 09/9/2020 là 2%/tháng, ông Đ không có ý kiến gì về lãi suất và ký tên, ghi họ tên vào biên nhận, vì vậy ông Đ đã thừa nhận lãi suất cho vay là 2%/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng và ông Đ cũng đồng ý lãi suất cho vay là 1%/tháng. Do ông Đ phải trả cho ông Th số tiền vay 76.600.000 đồng nên ông Đ phải có trách nhiệm trả tiền lãi của số tiền vay 76.600.000 đồng cho ông Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Tiền lãi từ ngày 09/9/2020 đến ngày 09/6/2022 được tính cụ thể như sau: $76.600.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 16.086.000 \text{ đồng}$ nhưng ông Th tự nguyện giảm bớt tiền lãi cho ông Đ và ông Th yêu cầu ông Đ trả số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Ông Th tự nguyện giảm tiền lãi cho ông Đ là có lợi cho ông Đ nên chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền vốn vay và tiền lãi ông Khổng Thành Đ phải trả cho ông Th là 86.600.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Khổng Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 429, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Th.

Buộc ông Khổng Thành Đ phải trả cho ông Trần Th số tiền vốn vay là 76.600.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 86.600.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Ông Trần Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (Ông Th thuộc trường hợp được miễn tiền án phí).

Ông Không Thành Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.330.000 đồng (*Bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*) (chưa nộp).

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 28/6/2022.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng